

cấp tỉnh hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới khi kết quả ý kiến nhất trí của các thành viên Hội đồng thẩm định dự họp phải đạt từ 90% trở lên, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

2.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh theo đề xuất của cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh;

2.4. Việc xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới được tiến hành sau khi nhận đủ hồ sơ của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố đề nghị (thời hạn nhận hồ sơ cuối cùng trong năm trước ngày 30 tháng 10 hàng năm). Trường hợp sau ngày 31/12, trong thời gian huyện, thành phố thẩm tra, tinh thẩm định, xét công nhận, nếu xã có yếu tố giảm tiêu chí đạt chuẩn thì sẽ không được công nhận.

2.5. Mẫu bằng công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới

Mẫu Bằng công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới được ban hành theo Mẫu số 23 của Quy định này.

3. Công bố:

3.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới và công khai trên báo, đài phát thanh, truyền hình và trang thông tin điện tử của tỉnh.

3.2. Thời hạn tổ chức công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới là không quá 60 ngày, kể từ ngày quyết định công nhận. Việc tổ chức công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới do Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thực hiện đảm bảo trang trọng, tiết kiệm, không phô trương.

Điều 30. Công nhận lại xã đạt chuẩn nông thôn mới

1. Ủy ban nhân dân xã tổ chức rà soát, đánh giá các tiêu chí đã đạt chuẩn như sau:

Tổ chức rà soát, đánh giá: Ủy ban nhân dân xã thành lập Đoàn đánh giá (gồm các thành viên là đại diện Ban Chỉ đạo xã, Ban Quản lý xã, các Ban Phát triển thôn) để rà soát, đánh giá mức độ đạt từng tiêu chí trên địa bàn xã; Ban Quản lý xã xây dựng báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí của xã, báo cáo Ủy ban nhân dân xã.

Tổ chức lấy ý kiến: Ủy ban nhân dân xã gửi Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí của xã để lấy ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc xã, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc xã và thông báo công khai trên hệ thống truyền thanh của xã trong thời gian 10 ngày để nhân dân biết, tham gia ý kiến; tiếp thu ý kiến tham gia, bổ sung hoàn thiện báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí của xã.

Hoàn thiện hồ sơ: Thực hiện theo quy định tại Điều 27 Quy định này.

2. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổ chức thẩm tra, đề nghị xét công nhận lại xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định tại Điều 28 Quy định này.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận lại xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định tại Điều 29 Quy định này.

Mục 2

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT, CÔNG NHẬN HUYỆN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI; THÀNH PHỐ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Điều 31. Đăng ký huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới

1. Ủy ban nhân dân huyện đăng ký huyện đạt chuẩn nông thôn mới, Ủy ban nhân dân thành phố đăng ký thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trước ngày 15 tháng 10 của năm liền kề trước năm đánh giá. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đưa vào kế hoạch thực hiện đối với huyện, thành phố đã có 70% số xã đạt chuẩn, 30% số xã còn lại phải đạt chuẩn từ 14 tiêu chí trở lên (trong đó có 04 tiêu chí chủ yếu phải đạt là hộ nghèo, thu nhập, hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật, quốc phòng và an ninh được giữ vững), các tiêu chí còn lại phải đạt từ 70% trở lên so với quy định (riêng đối với huyện, còn phải đạt ít nhất 6 tiêu chí huyện nông thôn mới tính đến thời điểm đăng ký và có đủ điều kiện phân đấu đạt chuẩn trong năm đánh giá); các quy hoạch của huyện, thành phố được phê duyệt và công khai; hạ tầng do huyện quản lý (giao thông, thủy lợi, bệnh viện, trường học, cơ sở vật chất văn hóa,...) đạt chuẩn theo quy định; hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật, quốc phòng và an ninh được giữ vững đạt chuẩn theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố nộp trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện văn bản đăng ký huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (01 bản, theo Mẫu số 02 đối với huyện; Mẫu số 03 đối với thành phố tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này) đến Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được đăng ký của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố), Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân huyện, thành phố về kết quả đưa vào kế hoạch thực hiện huyện đạt chuẩn nông thôn mới, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; nêu rõ lý do đối với huyện, thành phố chưa được đưa vào kế hoạch thực hiện huyện đạt chuẩn nông thôn mới hoặc thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Điều 32. Công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới

Trình tự, thủ tục công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, gồm các bước:

1. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới; Ủy ban nhân dân thành phố tự tổ chức đánh giá kết quả xây dựng nông thôn mới quy định tại Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thẩm tra, đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Điều 33. Tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới; kết quả xây dựng nông thôn mới của thành phố

1. Tổ chức tự đánh giá:

Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thành lập Đoàn đánh giá (gồm các thành viên là đại diện lãnh đạo Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới huyện, thành phố và đại diện lãnh đạo các phòng, ban, ngành phụ trách các tiêu chí nông thôn mới) để đánh giá thực tế mức độ đạt từng tiêu chí (đối với huyện), kết quả xây

dựng nông thôn mới (đối với thành phố); Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới huyện, thành phố xây dựng báo cáo đánh giá mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới (của huyện), kết quả xây dựng nông thôn mới (đối với thành phố), báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

2. Tổ chức lấy ý kiến:

2.1. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố gửi báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới (đối với huyện), kết quả xây dựng nông thôn mới (đối với thành phố) để lấy ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội huyện, thành phố để hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới (đối với huyện), kết quả xây dựng nông thôn mới (đối với thành phố);

2.2. Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới (đối với huyện), kết quả xây dựng nông thôn mới (đối với thành phố) được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trong thời gian 15 ngày để lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn huyện, thành phố;

2.3. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố bổ sung hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới (đối với huyện), kết quả xây dựng nông thôn mới (đối với thành phố) sau khi nhận được ý kiến tham gia (bằng văn bản) của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã và nhân dân trên địa bàn huyện, thành phố.

3. Hoàn thiện hồ sơ:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổ chức họp (gồm các thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện, thành phố và đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân các xã trên địa bàn huyện, thành phố) thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới khi kết quả ý kiến nhất trí tại cuộc họp phải đạt từ 90% trở lên, trình Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 20 tháng 11 hàng năm;

3.2. Hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố nộp trực tiếp hoặc theo đường bưu điện để thẩm tra (01 bộ hồ sơ), gồm:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố đề nghị thẩm tra, xét công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (bản chính, theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Tổng hợp danh sách các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn huyện, thành phố (bản chính, theo Mẫu số 22 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới của huyện, thành phố (bản chính, kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới theo Mẫu số 09 (đối với huyện), Mẫu số 10 (đối với thành phố) tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn huyện, thành phố về kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới, kết quả xây dựng nông thôn mới của thành phố (bản chính, theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Biên bản cuộc họp (gồm các thành viên Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia cấp huyện, đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân các xã trên địa bàn huyện, thành phố) đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (bản chính, theo Mẫu số 15 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện, thành phố (bản chính);

- Hình ảnh minh họa kết quả xây dựng nông thôn mới của huyện, thành phố.

3.3. Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh.

Điều 34. Tổ chức thẩm tra, đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới

1. Tổ chức thẩm tra:

1.1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Đoàn thẩm tra (gồm các thành viên là đại diện lãnh đạo Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh và đại diện lãnh đạo các sở, ban, ngành cấp tỉnh được giao phụ trách các tiêu chí nông thôn mới) để thẩm tra mức độ đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới (đối với huyện), kết quả xây dựng nông thôn mới (đối với thành phố) của từng huyện, thành phố; Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh xây dựng báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới (đối với huyện), kết quả xây dựng nông thôn mới (đối với thành phố) của từng huyện, thành phố, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh;

1.2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố), Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân huyện, thành phố về kết quả thẩm tra hồ sơ của từng huyện, thành phố; nêu rõ lý do huyện chưa được đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, thành phố chưa được đề nghị xét, công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

2. Tổ chức lấy ý kiến:

2.1. Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp danh sách các huyện đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; thành phố đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và công bố ít nhất 03 lần trên các phương tiện phát thanh, truyền hình và đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn tỉnh;

2.2. Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh gửi báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ cho từng huyện, thành phố để lấy ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh để hoàn thiện báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ cho từng huyện đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thành phố đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

2.3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh chủ trì, phối hợp Mặt trận Tổ quốc cấp huyện và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện tiến hành lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn huyện, thành phố đối với việc đề nghị công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

3. Hoàn thiện hồ sơ:

3.1. Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức họp (gồm các thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp tỉnh) thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới cho từng huyện, thành phố; hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới khi kết quả ý kiến nhất trí tại cuộc họp phải đạt từ 90% trở lên và có từ 90% trở lên số hộ gia đình (trong tổng số hộ gia đình của huyện, thành phố được chọn khảo sát, lấy ý kiến) hài lòng, gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

3.2. Hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, Ủy ban nhân dân tỉnh nộp trực tiếp hoặc theo đường bưu điện về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương) để thẩm định (01 bộ hồ sơ), gồm:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thẩm định, xét công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (bản chính, theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ cho từng huyện, thành phố (bản chính, kèm theo biểu chi tiết thẩm tra mức độ đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới (theo Mẫu số 18 đối với huyện, Mẫu số 19 đối với thành phố tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn tỉnh về kết quả thẩm tra hồ sơ cho từng huyện, thành phố (bản chính, theo Mẫu số 21 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Biên bản cuộc họp (gồm các thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp tỉnh) đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (bản chính, theo Mẫu số 16 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

- Ý kiến đồng ý công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (bằng văn bản) của các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện trên địa bàn tỉnh; văn bản đánh giá mức độ đạt tiêu chí của các sở, ban, ngành được giao phụ trách các tiêu chí nông thôn mới;

- Báo cáo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh về kết quả lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn huyện, thành phố đối với việc công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (bản chính).

(Kèm theo hồ sơ Ủy ban nhân dân huyện, thành phố nộp để thẩm tra được quy định tại điểm 3.2 khoản 3 Điều 33 Quy định này).

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 35. Khen thưởng, kinh phí

1. Hàng năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định khen thưởng xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 3007/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung

sức dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Thái Bình và quy định hiện hành.

2. Kinh phí thực hiện thẩm định hồ sơ để xem xét, công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (bao gồm: Hợp, kiểm tra, đánh giá thực địa, khảo sát lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân...) do ngân sách nhà nước đảm bảo hàng năm.

Điều 36. Trách nhiệm thi hành

1. Các sở, ban, ngành quản lý chuyên ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan hướng dẫn cụ thể việc thực hiện đánh giá, thẩm tra, thẩm định mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành trên địa bàn, trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương nhưng không được thấp hơn mức quy định tại Quy định này;

2. Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ và chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hoàn thiện thủ tục thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện hồ sơ đề nghị thẩm định, xét công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh hướng dẫn nội dung, cách thức, quy trình lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng nông thôn mới ở cấp huyện, xã; của các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh chỉ đạo các tổ chức cấp dưới tích cực tham gia phản biện, góp ý kết quả xây dựng nông thôn mới ở địa phương.

Trong quá trình thực hiện Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới và cách đánh giá Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới; trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Thái Bình, nếu gặp khó khăn, vướng mắc đề nghị các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. /

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Diên

Phụ lục
CÁC MẪU CỦA HỒ SƠ XÉT, CÔNG NHẬN, CÔNG BỐ ĐỊA PHƯƠNG
ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI; ĐỊA PHƯƠNG HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
(Kèm theo Quy định ban hành tại Quyết định số 2569 /QĐ-UBND
ngày 24 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình).

Mẫu số 01

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /UBND-....
V/v đăng ký “Xã đạt chuẩn
nông thôn mới” năm

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện, tỉnh.....

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Tính đến tháng năm, xã có số tiêu chí nông thôn mới đã đạt chuẩn theo quy định là / (tổng số) tiêu chí, đạt% (đảm bảo yêu cầu so với quy định tại Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới và cách đánh giá Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới; trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Thái Bình) và có đủ điều kiện phấn đấu xã đạt chuẩn nông thôn mới trong năm

Trên cơ sở khối lượng và tiến độ thực hiện hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã, Ủy ban nhân dân xã (huyện tỉnh/thành phố) đăng ký và cam kết thực hiện hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới theo quy định trong năm để được công nhận “Xã đạt chuẩn nông thôn mới” năm

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân huyện/thành phố, tỉnh..... xem xét, đưa vào kế hoạch chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Điều phối NTM huyện/thành phố;
- Phòng Nông nghiệp và PTNT/Phòng Kinh tế thành phố;
- Ban Chỉ đạo XD NTM xã;
- TT UBND xã;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn A

Mẫu số 02

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-....
V/v đăng ký “Huyện đạt chuẩn
nông thôn mới”.....

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình.

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Tính đến tháng năm, huyện có số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới là/ (tổng số) xã, đạt%; có tiêu chí huyện nông thôn mới đã đạt chuẩn theo quy định (đảm bảo yêu cầu so với quy định tại Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới và cách đánh giá Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới; trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Thái Bình) và có đủ điều kiện phấn đấu huyện đạt chuẩn nông thôn mới trong năm

Trên cơ sở khối lượng và tiến độ thực hiện hoàn thành các tiêu chí huyện nông thôn mới trên địa bàn huyện, Ủy ban nhân dân huyện, tỉnh..... đăng ký và cam kết thực hiện hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới theo quy định trong năm để được công nhận “Huyện đạt chuẩn nông thôn mới” năm

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, đưa vào kế hoạch chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Chỉ đạo thực hiện CTMTQG tỉnh;
- Văn phòng Điều phối XD NTM tỉnh;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn A

Mẫu số 03

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-....
V/v đăng ký “Thành phố hoàn
thành nhiệm vụ xây dựng nông
thôn mới” năm

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình.

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Tính đến tháng năm, thành phố Thái Bình có số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới là/ (tổng số) xã, đạt% (đảm bảo yêu cầu so với quy định tại Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới và cách đánh giá Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới; trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Thái Bình) và có đủ điều kiện phấn đấu thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trong năm

Trên cơ sở khối lượng và tiến độ thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đăng ký và cam kết thực hiện hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới theo quy định trong năm để được công nhận “Thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới” năm

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, đưa vào kế hoạch chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Chỉ đạo thực hiện CTMTQG tỉnh;
- Văn phòng Điều phối XD NTM tỉnh;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn A

Mẫu số 04

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTr-UBND

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

**Về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã
đạt chuẩn nông thôn mới năm**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện, tỉnh

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Quyết định/QĐ-UBND ngày .../.../20..... của.... phê duyệt
Đề án xây dựng nông thôn mới của xã và Báo cáo số/BC-UBND
ngày .../.../20..... của Ủy ban nhân dân xã về kết quả thực hiện các tiêu
chí nông thôn mới trên địa bàn xã

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày/...../20... của Ủy ban nhân dân xã
..... đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới
.....

Ủy ban nhân dân xã..... kính trình Ủy ban nhân dân huyện.....thẩm
tra, đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên
địa bàn xã (bản chính, kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí nông
thôn mới).

2. Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị -
xã hội của xã và nhân dân trong xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới
của xã (bản chính).

3. Biên bản cuộc họp đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông
thôn mới (bản chính).

4. Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới
trên địa bàn xã (bản chính);

5. Hình ảnh minh họa về kết quả xây dựng nông thôn mới của xã.

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân huyện, tỉnh xem xét,
thẩm tra./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Điều phối NTM huyện/thành phố;
- Phòng Nông nghiệp và PTNT/Phòng Kinh tế
thành phố;
- TT UBND xã;
- Ban Chỉ đạo XD NTM xã;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn A

Số: /TT-UBND

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

**Về việc thẩm định, xét, công nhận xã
đạt chuẩn nông thôn mới năm**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình.

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số/BC-UBND ngày/...../20..... của UBND huyện về thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho xã

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày/...../20.... của UBND huyện đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới,

UBND huyện kính trình UBND tỉnh..... thẩm định, xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả đạt từng tiêu chí nông thôn mới đối với xã (bản chính, kèm theo biểu chi tiết thẩm tra mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới của xã);

2. Báo cáo tổng hợp ý kiến của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn huyện tham gia vào kết quả thẩm tra mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới của xã (bản chính);

3. Biên bản cuộc họp đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính).

4. Báo cáo của Mặt trận Tổ quốc cấp huyện về kết quả lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã đối với việc công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

(Kèm theo bộ hồ sơ của UBND xã trình UBND cấp huyện thẩm tra)

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh..... xem xét, thẩm định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Chỉ đạo thực hiện CTMTQG tỉnh;
- Văn phòng Điều phối XD NTM tỉnh;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn A

Số: /TTr-UBND

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

**Về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận huyện/thành phố.....
đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.....

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số/BC-UBND ngày/...../20..... của UBND huyện, thành phố về kết quả xây dựng nông thôn mới và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn huyện, thành phố;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày/...../20..... của UBND huyện/thành phố đề nghị xét, công nhận huyện/thành phố đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới,

UBND huyện/thành phố..... kính trình UBND tỉnh..... thẩm tra, đề nghị xét, công nhận huyện/thành phố đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Tổng hợp danh sách các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn huyện/thành phố (bản chính);

2. Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới (bản chính, kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới đối với huyện);

3. Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn huyện/thành phố về kết quả xây dựng nông thôn mới và thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới (bản chính).

4. Biên bản cuộc họp đề nghị xét công nhận huyện/thành phố đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (bản chính);

5. Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện/thành phố (bản chính);

6. Hình ảnh minh họa kết quả xây dựng nông thôn mới của huyện/thành phố.

Kính đề nghị UBND tỉnh..... xem xét, thẩm tra./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Chỉ đạo thực hiện CTMTQG tỉnh;
- Văn phòng Điều phối XD NTM tỉnh;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN/THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
Nguyễn Văn A

Mẫu số 07

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTr-UBND

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Về việc thẩm định, đề nghị xét, công nhận huyện/thành phố đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số/BC-UBND ngày/...../20..... của UBND tỉnh..... về thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới cho huyện/thành phố

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày/...../20..... của UBND tỉnh đề nghị xét, công nhận huyện/thành phố..... đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới,

UBND tỉnh kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, đề nghị xét, công nhận huyện/thành phố đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Báo cáo thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện/thành phố đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (bản chính, kèm theo biểu chi tiết thẩm tra mức độ đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới đối với huyện);

2. Báo cáo..... tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức về kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới đối với huyện/thành phố (bản chính);

3. Biên bản cuộc họp đề nghị xét, công nhận huyện/thành phố đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (bản chính);

4. Ý kiến đồng ý công nhận huyện/thành phố đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (bằng văn bản) của các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và UBND các huyện trên địa bàn tỉnh; đánh giá mức độ đạt tiêu chí (bằng văn bản) của các sở, ban, ngành được giao phụ trách các tiêu chí nông thôn mới;

5. Báo cáo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh về kết quả lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn huyện đối với việc công nhận huyện/thành phố đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

(Kèm theo bộ hồ sơ của UBND huyện trình UBND tỉnh thẩm tra)

Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, thẩm định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Chỉ đạo th.hiện CTMTQG TW;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- TT UBND tỉnh;
- Ban Chỉ đạo thực hiện CTMTQG tỉnh;
- Văn phòng Điều phối XD NTM tỉnh;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn A

Số: /BC-UBND

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Kết quả xây dựng nông thôn mới năm
của xã, huyện, tỉnh

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

1. Nêu tóm tắt về Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã
2. Thuận lợi
3. Khó khăn

II. CĂN CỨ TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương và của địa phương.

III. KẾT QUẢ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn

- a) Công tác truyền thông.
- b) Công tác đào tạo, tập huấn.

3. Công tác chỉ đạo phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân

- a) Công tác phát triển sản xuất nông nghiệp.
- b) Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn.
- c) Kết quả nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân.

4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới

Tổng kinh phí đã thực hiện: triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương triệu đồng, chiếm%;
- Ngân sách tỉnh triệu đồng, chiếm%;
- Ngân sách huyện triệu đồng, chiếm%;
- Ngân sách xã triệu đồng, chiếm%;
- Vốn vay tín dụng triệu đồng, chiếm%;
- Doanh nghiệp triệu đồng, chiếm %;
- Nhân dân đóng góp triệu đồng, chiếm %.

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định là/ (tổng số) tiêu chí, đạt %, cụ thể

1. Tiêu chí số về

- a) Yêu cầu của tiêu chí:
- b) Kết quả thực hiện tiêu chí:
 - Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

-;
- Các nội dung đã thực hiện:
 -;
 - Khối lượng thực hiện:
 -;
 - Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

2. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:
-;
- Các nội dung đã thực hiện:
-;
- Khối lượng thực hiện:
-;
- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

n. Tiêu chí số về

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đã làm được
2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân
3. Bài học kinh nghiệm

VI. KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI

1. Quan điểm
2. Mục tiêu
3. Nội dung nâng chất các tiêu chí nông thôn mới

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Điều phối NTM huyện/thành phố;
- Phòng Nông nghiệp và PTNT/Phòng Kinh tế thành phố;
- TT UBND xã;
- Ban Chỉ đạo XD NTM xã;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn A

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI

Xã, huyện, tỉnh

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /20..... của UBND xã))

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
I QUY HOẠCH						
1	Quy hoạch	1.1. Lập quy hoạch: Có các đồ án Quy hoạch: Quy hoạch chung nông thôn mới và các quy hoạch chi tiết phù hợp với quy hoạch chung (Quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm xã; Quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn; Quy hoạch chi tiết hệ thống thủy lợi và giao thông nội đồng) được duyệt.		Đạt		
		1.2. Công khai quy hoạch: Có Pano công khai các đồ án Quy hoạch theo mục 1 tại trung tâm xã và nơi công cộng, tuyên truyền về quy hoạch tại địa phương.		Đạt		
		1.3. Quản lý, thực hiện quy hoạch: Tổ chức triển khai xác định mốc giới ngoài thực địa, xác định chỉ giới đường đỏ các tuyến đường theo quy hoạch đã được duyệt; Kiểm tra, giám sát xây dựng theo quy hoạch được duyệt.		Đạt		
II HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI						
2	Giao thông	2.1. Đường giao thông trục xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	%	100%		
		2.2. Đường trục thôn được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	%	100%		
		2.3. Đường nhánh cấp I của đường giao thông trục thôn được cứng hóa, đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm.	%	100%		
		2.4. Đường ngõ, xóm được cứng hóa sạch và không lầy lội vào mùa mưa	%	100%		
		2.5. Đường trục chính nội đồng được cứng hóa đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.	%	100%		
		2.6. Đảm bảo an toàn giao thông và		Đạt		

		vệ sinh môi trường trên đường giao thông: Các tuyến đường không bị lấn chiếm lòng đường, lề đường, vỉa hè; không bị che khuất tầm nhìn; mặt đường không bị đọng nước, không có hư hỏng; thường xuyên giữ mặt đường sạch, cắt cỏ dại ở lề đường.				
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	%	≥80%		
		3.2. Tỷ lệ kênh tưới cấp 1 loại 3, của các trạm bơm trong xã đã được kiên cố đạt tỷ lệ 100% so với tổng chiều dài kênh tưới cấp 1 loại 3 của các trạm bơm trong xã.		Đạt		
		3.3. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ		Đạt		
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn		Đạt		
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	%	≥99%		
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	%	100%		
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã		Đạt		
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định		Đạt		
		6.3. Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa (hoặc nơi sinh hoạt văn hóa), sân thể thao phục vụ cộng đồng	%	100%		
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa		Đạt		
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính		Đạt		
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet		Đạt		
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	%	100%		
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành		Đạt		

9	Nhà ở dân cư	9.1. Trên địa bàn xã không còn hộ gia đình ở nhà tạm, nhà dột nát		Không		
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định từ 90% trở nên		≥90%		
III KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT						
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020	triệu đồng/ người	≥50		
		- Năm 2017		≥37		
		- Năm 2018		≥41		
		- Năm 2019		≥45,5		
		- Năm 2020		≥50		
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	%	≤2%		
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	%	≥90%		
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012		Đạt		
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững		Đạt		
		13.3. Hệ thống thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn xã được kiểm soát	%	100%		
IV VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG						
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở		Đạt		
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	%	≥90%		
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	%	≥45%		
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	≥85%		
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế		Đạt		
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	%	≤13,9%		
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	%	≥70%		
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	%	≥98% (≥70% nước sạch)		
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh	%	100%		

		doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường				
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn		Đạt		
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch		Đạt		
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định		Đạt		
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	%	≥90%		
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	%	≥80%		
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	%	100%		
V	HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ					
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn		Đạt		
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định		Đạt		
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"		Đạt		
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên		100%		
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định		Đạt		
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội		Đạt		
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng		Đạt		
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước		Đạt		

Mẫu số 09

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Kết quả xây dựng nông thôn mới năm
của huyện, tỉnh

I. Đặc điểm tình hình chung

1. Nêu tóm tắt về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của huyện
2. Thuận lợi
3. Khó khăn

II. Căn cứ triển khai thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương và của địa phương.

III. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới

1. Công tác chỉ đạo, Điều hành

2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn

a) Công tác truyền thông.

b) Công tác đào tạo, tập huấn.

3. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện

Tổng kinh phí đã thực hiện: triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương triệu đồng, chiếm %;
- Ngân sách tỉnh triệu đồng, chiếm %;
- Ngân sách huyện triệu đồng, chiếm %;
- Ngân sách xã triệu đồng, chiếm %;
- Vốn vay tín dụng triệu đồng, chiếm %;
- Doanh nghiệp triệu đồng, chiếm %;
- Nhân dân đóng góp triệu đồng, chiếm %.

IV. Kết quả xây dựng nông thôn mới của huyện

1. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định:

- Tổng số xã trên địa bàn huyện:
- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới:
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới:

2. Một số kết quả chủ yếu xây dựng nông thôn mới của các xã:

2.1. Công tác lập quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch

2.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu:

- Về giao thông:

- Về thủy lợi:

- Về trường học:

- Về cơ sở vật chất văn hóa:

- Về chợ nông thôn...

2.3. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân:

- Về nông, lâm nghiệp, thủy sản:

- Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ:

- Phản ánh một số kết quả chính: thu nhập bình quân khu vực nông thôn của huyện; tỷ lệ hộ nghèo của huyện.

2.4. Về phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường:

- Về giáo dục:

- Về y tế:

- Về văn hóa:

- Về môi trường:

2.5. Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh và gìn giữ an ninh, trật tự xã hội:

3. Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới

3.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

.....;

- Các nội dung đã thực hiện:

.....;

- Khối lượng thực hiện:

.....;

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

3.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

.....;

- Các nội dung đã thực hiện:

.....;

- Khối lượng thực hiện:

.....;

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

n. Tiêu chí số về

V. Đánh giá chung

1. Những mặt đã làm được
2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân
3. Bài học kinh nghiệm

VI. Kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới

1. Quan điểm
2. Mục tiêu
3. Nội dung nâng chất các tiêu chí nông thôn mới

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Chỉ đạo thực hiện CTMTQG tỉnh;
- Văn phòng Điều phối XD NTM tỉnh;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN/THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn A

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ
HUYỆN NÔNG THÔN MỚI**

Huyện, tỉnh

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /20..... của UBND huyện

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	DVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
1	Quy hoạch	Có quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện được phê duyệt		Đạt		
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã		Đạt		
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch	%	100%		
3	Thủy lợi	Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch		Đạt		
4	Điện	Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống		Đạt		
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3; Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia		Đạt		
		5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có các hoạt động văn hóa - thể thao phù hợp kết nối với các xã có hiệu quả		Đạt		
		5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn	%	≥ 60%		
6	Sản xuất	Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung; hoặc có mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của huyện		Đạt		
7	Môi trường	7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn		Đạt		

		huyện đạt tiêu chuẩn				
		7.2. Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường	%	100%		
8	An ninh, trật tự XH	Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội		Đạt		
9	Chỉ đạo xây dựng NTM	9.1. Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định		Đạt		
		9.2. Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới cấp huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định		Đạt		

Mẫu số 10

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Kết quả xây dựng nông thôn mới năm
của thành phố, tỉnh

I. Đặc điểm tình hình chung

1. Nêu tóm tắt về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của thị xã/thành phố

2. Thuận lợi

3. Khó khăn

II. Căn cứ triển khai thực hiện xây dựng thị xã/thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương và của địa phương.

III. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng thị xã/thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn

a) Công tác truyền thông.

b) Công tác đào tạo, tập huấn.

3. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thị xã/thành phố

Tổng kinh phí đã thực hiện: triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương triệu đồng, chiếm %;

- Ngân sách tỉnh triệu đồng, chiếm %;

- Ngân sách thị xã/thành phố triệu đồng, chiếm %;

- Ngân sách xã triệu đồng, chiếm %;

- Vốn vay tín dụng triệu đồng, chiếm %;

- Doanh nghiệp triệu đồng, chiếm %;

- Nhân dân đóng góp triệu đồng, chiếm %.

IV. Kết quả xây dựng nông thôn mới của thị xã/thành phố

1. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định:

- Tổng số xã trên địa bàn thị xã/thành phố:

- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới:

- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới:

2. Một số kết quả chủ yếu xây dựng nông thôn mới của các xã:

2.1. Công tác lập, tổ chức thực hiện quy hoạch

2.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu:

- Về giao thông:
- Về thủy lợi:
- Về trường học:
- Về cơ sở vật chất văn hóa:
- Về chợ nông thôn...

2.3. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân:

- Về nông, lâm nghiệp, thủy sản:
- Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ:
- Phản ánh một số kết quả chính: thu nhập bình quân khu vực nông thôn của thị xã/thành phố; tỷ lệ hộ nghèo của thị xã/thành phố.

2.4. Về phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường:

- Về giáo dục:
- Về y tế:
- Về văn hóa:
- Về môi trường:

2.5. Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh và gìn giữ an ninh, trật tự xã hội:

IV. Đánh giá chung

1. Những mặt đã làm được
2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân
3. Bài học kinh nghiệm

V. Kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới của thị xã/thành phố

1. Quan điểm
2. Mục tiêu
3. Nội dung nâng chất các tiêu chí nông thôn mới

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Chỉ đạo thực hiện CTMTQG tỉnh;
- Văn phòng Điều phối XD NTM tỉnh;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn A

Mẫu số 11

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới năm của xã, huyện, tỉnh

I. Tóm tắt quá trình UBND xã tổ chức lấy ý kiến tham gia

-
-

II. Kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định tính đến năm..... là/ (tổng số) tiêu chí, đạt%.

III. Ý kiến tham gia vào kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã

1. Ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội của xã

- Hình thức tham gia ý kiến:
- Ý kiến tham gia:
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

2. Ý kiến tham gia của các tổ chức khác trên địa bàn xã (các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, hợp tác xã,)

- Hình thức tham gia ý kiến:
- Ý kiến tham gia:
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

3. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn xã

- Ý kiến tham gia:
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

IV. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND xã

-
-

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Điều phối NTM huyện/thành phố;
- Phòng Nông nghiệp và PTNT/Phòng Kinh tế thành phố;
- TT UBND xã;
- Ban Chỉ đạo XD NTM xã;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn A

Mẫu số 12

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN/THÀNH PHỐ.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Tổng hợp ý kiến tham gia về kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới, kết quả xây dựng nông thôn mới năm của huyện/thành phố, tỉnh

I. Tóm tắt quá trình UBND huyện/thành phố tổ chức lấy ý kiến tham gia

-

-

II. Ý kiến tham gia về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới, kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện/thành phố

1. Ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội của huyện/thành phố

- Hình thức tham gia ý kiến:

- Ý kiến tham gia:

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

2. Ý kiến tham gia của UBND các xã trên địa bàn huyện/thành phố

- Hình thức tham gia ý kiến:

- Ý kiến tham gia:

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

3. Ý kiến tham gia của các đơn vị, tổ chức khác trên địa bàn huyện/thành phố (tên đơn vị, tổ chức:.....)

- Hình thức tham gia ý kiến:

- Ý kiến tham gia:

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

4. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn huyện/thành phố

- Ý kiến tham gia:

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

III. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND huyện/thành phố

-

-

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Chỉ đạo thực hiện CTMTQG tỉnh;
- Văn phòng Điều phối XD NTM tỉnh;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN/THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn A

Mẫu số 13

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN

Họp đề nghị xét, công nhận xã
đạt chuẩn nông thôn mới năm

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số ngày/...../..... của UBND xã
..... về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã và Báo
cáo ngày/...../..... của UBND xã tổng hợp ý kiến tham gia của
các tổ chức, đoàn thể xã và nhân dân trong xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông
thôn mới của xã,

Hôm nay, vào hồi giờ phút ngày/...../..... tại
....., UBND xã (huyện, tỉnh) tổ chức họp đề nghị
xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;
- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác;
-
- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. UBND xã báo cáo kết quả tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí nông
thôn mới của xã; tổng hợp báo cáo tham gia ý kiến của các tổ chức chính trị - xã hội
và nhân dân trong xã về kết quả xây dựng nông thôn mới của xã.

2. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về kết quả
thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã.

-

-

3. Kết quả bỏ phiếu: số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét, công
nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm là/tổng số
thành viên tham dự cuộc họp, đạt%.

Biên bản kết thúc hồi giờ phút ngày/...../....., đã
thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí%.

Biên bản này được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND
xã lưu bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn
mới gửi UBND huyện bản./.

THƯ KÝ CUỘC HỌP
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 14

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN

**Họp đề nghị xét, công nhận xã
đạt chuẩn nông thôn mới năm**

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số..... ngày / / của UBND huyện về thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho xã năm và Báo cáo ... ngày / / của UBND huyện tổng hợp ý kiến tham gia về kết quả thẩm tra các tiêu chí nông thôn mới năm cho xã

Hôm nay, vào hồi giờ phút ngày / / tại, UBND huyện (tỉnh) tổ chức họp đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác;

-

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. UBND huyện trình bày Báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã; Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia về kết quả thẩm tra các tiêu chí nông thôn mới năm của xã

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện trình bày Báo cáo về kết quả lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã đối với việc công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

3. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

-

4. Kết quả bỏ phiếu: số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm là / tổng số thành viên tham dự cuộc họp, đạt%.

Biên bản kết thúc hồi giờ phút ngày / /, đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí%.

Biên bản này được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND huyện lưu bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới gửi UBND tỉnh bản./.

THƯ KÝ CUỘC HỌP
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 15

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN, THÀNH PHỐ.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN

**Họp đề nghị xét, công nhận huyện/thành phố.....đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ
xây dựng nông thôn mới**

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số ngày / / của UBND huyện/thành phố
..... về kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới, kết quả xây dựng
nông thôn mới và Báo cáo số ngày / / của UBND huyện/thành phố
..... tổng hợp ý kiến tham gia về kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới,
kết quả xây dựng nông thôn mới,

Hôm nay, vào hồi giờ phút ngày / / tại
....., UBND huyện/thành phố....., tỉnh tổ chức họp đề nghị xét,
công nhận huyện/thành phố đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới,
cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác;

-

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. UBND huyện/thị xã/TP báo cáo kết quả tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu
chí nông thôn mới, kết quả xây dựng nông thôn mới; tổng hợp báo cáo tham gia ý kiến
của các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trên địa bàn huyện/thành phố về kết quả
xây dựng nông thôn mới của huyện/thành phố.

2. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về kết quả
thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới, kết quả xây dựng nông thôn mới của
huyện/thành phố.

-

3. Kết quả bỏ phiếu: số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét, công
nhận huyện/thành phố..... đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới
năm là/tổng số thành viên tham dự cuộc họp, đạt%.

Biên bản kết thúc hồi giờ phút ngày / /, đã thông qua cho
các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí%.

Biên bản này được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND
huyện/thành phố lưu.... bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông
thôn mới; thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, gửi UBND tỉnh
..... bản./.

THƯ KÝ CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 16

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN

**Họp đề nghị xét, công nhận huyện/thành phố đạt chuẩn/hoàn thành
nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm**

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số ngày/...../..... của UBND tỉnh về
thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông
thôn mới cho huyện/thành phố năm và Báo cáo ngày/...../
..... của UBND tỉnh tổng hợp ý kiến tham gia về kết quả thẩm tra hồ sơ cho
huyện/thành phố,

Hôm nay, vào hồi giờ phút ngày/...../..... tại
....., UBND tỉnh tổ chức họp đề nghị xét công nhận huyện/thành phố đạt
chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác;

-

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. UBND tỉnh trình bày Báo cáo thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt
chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới cho huyện/thành phố.....; Báo
cáo tổng hợp ý kiến tham gia về kết quả thẩm tra hồ sơ của huyện/thành phố

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc trình bày Báo cáo về kết quả lấy ý kiến về sự hài
lòng của người dân trên địa bàn huyện/thành phố đối với việc công nhận huyện/thành
phố đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

3. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về đề nghị xét,
công nhận huyện/thành phố đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn
mới.

-

4. Kết quả bỏ phiếu: số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét, công
nhận huyện/thành phố đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới
năm là /tổng số..... thành viên tham dự cuộc họp, đạt%.

Biên bản kết thúc hồi giờ phút ngày/...../....., đã thông qua cho các
thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí%.

Biên bản này được lập thành... bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND tỉnh lưu...
bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện/thành phố đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm
vụ xây dựng nông thôn mới, gửi Bộ Nông nghiệp và PTNT... bản./.

THƯ KÝ CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 17

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN/THÀNH PHỐ.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

**Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn
nông thôn mới cho xã năm**

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);
Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);
Căn cứ đề nghị của UBND xã tại Tờ trình số/TTr-UBND
ngày/...../..... về việc thẩm tra, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới
năm

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông
thôn mới trên địa bàn xã, UBND huyện báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ
và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho xã năm cụ thể như
sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....):

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

2.1. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai, thực hiện:
.....;

- Các nội dung đã thực hiện:
.....;

- Khối lượng thực hiện:
.....;

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả
thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

2. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:
.....;

- Các nội dung đã thực hiện:
.....;

- Khối lượng thực hiện:

.....;

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

n. Tiêu chí số về

.....

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới

-

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

- Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã đã được UBND huyện thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm thẩm tra là:/19 tiêu chí, đạt%.

-

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới

-

III. KIẾN NGHỊ

...../.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Chỉ đạo thực hiện CTMTQG tỉnh;
- Văn phòng Điều phối XD NTM tỉnh;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN/THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn A

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA
CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI**

của xã, huyện tỉnh

(Kèm theo Báo cáo số: /BC- UBND ngày / /20.... của UBND huyện.....)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
I	QUY HOẠCH					
1	Quy hoạch	1.1. Lập quy hoạch: Có các đồ án Quy hoạch: Quy hoạch chung nông thôn mới và các quy hoạch chi tiết phù hợp với quy hoạch chung (Quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm xã; Quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn; Quy hoạch chi tiết hệ thống thủy lợi và giao thông nội đồng) được duyệt.		Đạt		
		1.2. Công khai quy hoạch: Có Pano công khai các đồ án Quy hoạch theo mục 1 tại trung tâm xã và nơi công cộng, tuyên truyền về quy hoạch tại địa phương.		Đạt		
		1.3. Quản lý, thực hiện quy hoạch: Tổ chức triển khai xác định mốc giới ngoài thực địa, xác định chỉ giới đường đỏ các tuyến đường theo quy hoạch đã được duyệt; Kiểm tra, giám sát xây dựng theo quy hoạch được duyệt.		Đạt		
II	HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI					
2	Giao thông	2.1. Đường giao thông trục xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	%	100%		
		2.2. Đường trục thôn được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	%	100%		
		2.3. Đường nhánh cấp I của đường giao thông trục thôn được cứng hóa, đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm.	%	100%		
		2.4. Đường ngõ, xóm được cứng hóa sạch và không lấy lợi vào mùa mưa	%	100%		
		2.5. Đường trục chính nội đồng được cứng hóa đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.	%	100%		

		2.6. Đảm bảo an toàn giao thông và vệ sinh môi trường trên đường giao thông: Các tuyến đường không bị lấn chiếm lòng đường, lề đường, vỉa hè; không bị che khuất tầm nhìn; mặt đường không bị đọng nước, không có hư hỏng; thường xuyên giữ mặt đường sạch, cắt cỏ dại ở lề đường.		Đạt		
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	%	≥80%		
		3.2. Tỷ lệ kênh tưới cấp 1 loại 3, của các trạm bơm trong xã đã được kiên cố đạt tỷ lệ 100% so với tổng chiều dài kênh tưới cấp 1 loại 3 của các trạm bơm trong xã.		Đạt		
		3.3. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ		Đạt		
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn		Đạt		
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	%	≥99%		
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	%	100%		
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã		Đạt		
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định		Đạt		
		6.3. Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa (hoặc nơi sinh hoạt văn hóa), sân thể thao phục vụ cộng đồng	%	100%		
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa		Đạt		
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính		Đạt		
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet		Đạt		
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	%	100%		
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành		Đạt		
9	Nhà ở dân	9.1. Trên địa bàn xã không còn hộ		Không		

	cur	gia đình ở nhà tạm, nhà dột nát 9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định từ 90% trở nên		≥90%		
III KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT						
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020	triệu đồng/ người	≥50		
		- Năm 2017		≥37		
		- Năm 2018		≥41		
		- Năm 2019		≥45,5		
		- Năm 2020		≥50		
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	%	≤2%		
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	%	≥90%		
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012		Đạt		
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững		Đạt		
		13.3. Hệ thống thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn xã được kiểm soát	%	100%		
IV VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG						
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở		Đạt		
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	%	≥90%		
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	%	≥45%		
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	≥85%		
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế		Đạt		
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	%	≤13,9%		
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	%	≥70%		
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	%	≥98% (≥70% nước sạch)		
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	%	100%		
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi		Đạt		

		trường xanh - sạch - đẹp, an toàn				
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch		Đạt		
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định		Đạt		
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	%	≥90%		
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	%	≥80%		
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	%	100%		
V	HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ					
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn		Đạt		
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định		Đạt		
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"		Đạt		
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên		100%		
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định		Đạt		
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội		Đạt		
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng		Đạt		
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước		Đạt		

Mẫu số 18

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND ngày tháng năm

BÁO CÁO

**Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn
nông thôn mới cho huyện năm**

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ đề nghị của UBND huyện tại Tờ trình số/TTr-UBND ngày .../.../... về việc thẩm tra, xét công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới năm

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới, UBND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới cho huyện năm cụ thể như sau;

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....):

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới

2.1. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định:

- Tổng số xã trên địa bàn huyện:
- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới:
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới:

2.2. Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới

a) Tiêu chí số 1 về Quy hoạch

- Yêu cầu của tiêu chí:
- Kết quả thực hiện tiêu chí:
 - + Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:
 -;
 - + Các nội dung đã thực hiện:
 -;
 - + Khối lượng thực hiện:
 -;
 - Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

b) Tiêu chí số 2 về Giao thông

- Yêu cầu của tiêu chí:
- Kết quả thực hiện tiêu chí:
 - + Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

.....;

+ Các nội dung đã thực hiện:

.....;

+ Khối lượng thực hiện:

.....;

- Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

n. Tiêu chí số về

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới

-

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

-

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới

-

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới

-

III. KIẾN NGHỊ

...../.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Chỉ đạo th.hiện CTMTQG TW;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- TT UBND tỉnh;
- Ban Chỉ đạo thực hiện CTMTQG tỉnh;
- Văn phòng Điều phối XD NTM tỉnh;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn A

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ
HUYỆN NÔNG THÔN MỚI**

Huyện, tỉnh

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /20..... của UBND tỉnh

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của huyện	Kết quả thẩm tra của tỉnh
1	Quy hoạch	Có quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện được phê duyệt		Đạt		
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã		Đạt		
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch	%	100%		
3	Thủy lợi	Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch		Đạt		
4	Điện	Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ; thuật của cả hệ thống		Đạt		
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3; Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia		Đạt		
		5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có các hoạt động văn hóa - thể thao phù hợp kết nối với các xã có hiệu quả		Đạt		
		5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn	%	≥ 60%		
6	Sản xuất	Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung; hoặc có mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của huyện		Đạt		
7	Môi trường	7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn		Đạt		
		7.2. Cơ sở sản xuất, chế biến,	%	100%		

		dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường				
8	An ninh, trật tự XH	Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội		Đạt		
9	Chỉ đạo xây dựng NTM	9.1. Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định		Đạt		
		9.2. Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới cấp huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định		Đạt		

Mẫu số 19

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND , ngày tháng năm

BÁO CÁO

Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới cho thành phố năm

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);
Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);
Căn cứ đề nghị của UBND thành phố tại Tờ trình số/TTr-UBND ngày .../.../..... về việc thẩm tra, xét công nhận thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá kết quả xây dựng nông thôn mới, UBND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới cho thành phố năm cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày.../.../.... đến ngày .../.../....):

1. Về hồ sơ
 2. Về kết quả công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới
 - Tổng số xã trên địa bàn thị xã/thành phố:
 - Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới:
 - Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới:
 3. Về kết quả xây dựng nông thôn mới (trên cơ sở đánh giá kết quả xây dựng nông thôn mới của thành phố)
 4. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới
-

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

-

2. Về kết quả xây dựng nông thôn mới

-

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới

-

III. KIẾN NGHỊ

...../.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Chỉ đạo th.hiện CTMTQG TW;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- TT UBND tỉnh;
- Ban Chỉ đạo thực hiện CTMTQG tỉnh;
- Văn phòng Điều phối XD NTM tỉnh;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn A

Mẫu số 20

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm cho xã, huyện tỉnh

I. Tóm tắt quá trình UBND huyện tổ chức lấy ý kiến tham gia

-
-

II. Ý kiến tham gia vào kết quả thẩm tra các tiêu chí nông thôn mới cho xã

1. Ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn huyện

- Hình thức tham gia ý kiến:

- Ý kiến tham gia:

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

2. Ý kiến tham gia của UBND các xã trên địa bàn huyện

- Hình thức tham gia ý kiến:

- Ý kiến tham gia:

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

3. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn huyện (nếu có)

- Hình thức tham gia ý kiến:

- Ý kiến tham gia:

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

III. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND huyện

-
-

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Chỉ đạo thực hiện CTMTQG tỉnh;
- Văn phòng Điều phối XD NTM tỉnh;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn A

Mẫu số 21

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm cho huyện/thành phố, tỉnh

I. Tóm tắt quá trình UBND tỉnh tổ chức lấy ý kiến tham gia

-
-

II. Ý kiến tham gia vào kết quả thẩm tra hồ sơ đối với huyện/thành phố

1. Ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh

- Hình thức tham gia ý kiến:

- Ý kiến tham gia:

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

2. Ý kiến tham gia của UBND các huyện, thị trên địa bàn tỉnh

- Hình thức tham gia ý kiến:

- Ý kiến tham gia:

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

3. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn tỉnh (nếu có)

- Hình thức tham gia ý kiến:

- Ý kiến tham gia:

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

III. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND tỉnh

.....
.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Chỉ đạo thực hiện CTMTQG TW;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- TT UBND tỉnh;
- Ban Chỉ đạo thực hiện CTMTQG tỉnh;
- Văn phòng Điều phối XD NTM tỉnh;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn A

Mẫu số 22

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

DANH SÁCH CÁC XÃ ĐÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI
(thuộc huyện, tỉnh)

TT	Tên xã đã đạt chuẩn nông thôn mới	Năm được công nhận	Số, ký hiệu, ngày tháng của Quyết định công nhận	Cấp ban hành Quyết định	Trích yếu nội dung Quyết định	Năm công bố xã đạt chuẩn NTM	Ghi chú
	Xã						
	Xã						
						
						
	Tổng số:xã đạt chuẩn/tổng số xã thuộc huyện, đạt....%						

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH
(Ký, ghi rõ họ tên)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 23

MẪU BẢNG CÔNG NHẬN XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI

(Quốc huy)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.....

CÔNG NHẬN

Xã, huyện, tỉnh
Đạt chuẩn nông thôn mới năm

Quyết định số:/QĐ-UBND
ngày / /

....., ngày tháng năm
CHỦ TỊCH

Vào Sổ số:/QĐ-UBND

Nguyễn Văn A

Yêu cầu:

1. Kích thước:

- Chiều dài: 640 mm, chiều rộng: 480 mm.
- Hoa văn bên trong: chiều dài 625 mm, chiều rộng 355 mm.

2. Chất liệu và định lượng: Giấy trắng, định lượng: 150g/m².

3. Hình thức: Xung quanh trang trí hoa văn màu, chính giữa phía trên in Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1).

4. Nội dung:

- Dòng 1, 2: Quốc huy, Quốc hiệu (2)

Khoảng trống

- Dòng 3: Thẩm quyền công nhận (3)
- Dòng 4: Công nhận (4)
- Dòng 5: Tên xã, huyện, tỉnh (5)
- Dòng 6: Đạt chuẩn nông thôn mới năm... (6)

Khoảng trống

- Dòng 7:
+ Bên trái: Quyết định số, ngày, tháng, năm (7)
+ Bên phải: Địa danh, ngày, tháng, năm (8)

- Dòng 8:

- + Bên trái: Số sổ vàng (9)
- + Bên phải: Thẩm quyền ký (10) :

Khoảng trống (3,5 cm): chữ ký, dấu

- Dòng 9: Họ và tên người ký quyết định (11)

Ghi chú:

- (1): In hình Quốc huy.
- (2): Quốc hiệu:
- + Dòng chữ: "Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" (chữ in đậm, màu đen).
- + Dòng chữ: "Độc lập - Tự do - Hạnh phúc" (chữ thường, đậm, màu đen),
- (3): Thẩm quyền quyết định: (chữ in, màu đỏ).
- (4): Chữ in, màu đen.
- (5): Chữ in, màu đỏ.
- (6), (7), (8), (9): Chữ thường, màu đen.
- (10): Chữ in, màu đen.
- (11): Chữ thường, màu đen.
- Cỡ chữ trong nội dung, đơn vị tự quy định cho phù hợp, đảm bảo hình thức đẹp, trang trọng.

